

Số: 13/2023/QĐST-DS

Phú Lương, ngày 25 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Lưu B, sinh năm 1996.

Bị đơn: Bà Cao Thị C, sinh năm 1964.

Đều có HKTT tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị G – sinh năm 1933; HKTT tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Hoàng Thị L – sinh năm 1984; HKTT tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Hoàng Thị L – sinh năm 1984; HKTT tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Hoàng Thị T – sinh năm 1986; HKTT tại: Xóm P, xã P, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Hoàng Thị Thanh L - 1989; HKTT tại: TDP G, TT G, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Hoàng Thị Kim C – sinh năm 1991; HKTT tại: Xóm C, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Hoàng Thị H – sinh năm 1981; HKTT tại: tổ 14, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Hoàng Thị Á – sinh năm 2007, do bà Cao Thị C là người đại diện. HKTT tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Hoàng Thị L; chị Hoàng Thị T; chị Hoàng Thị Thanh L; chị Hoàng Thị Kim C và chị Hoàng Thị H đều đã ủy quyền cho anh Hoàng Lưu B và nhất trí ký phần được hưởng cho anh Hoàng Lưu B được đứng tên kê khai mang tên anh Hoàng Lưu B.

- Chị Hoàng Thị L nhất trí ký phần được hưởng cho anh Hoàng Lưu B được đứng tên kê khai mang tên anh Hoàng Lưu B.

- Bà Nguyễn Thị G nhất trí nhận 20.000.000 đồng tiền mặt và không lấy đất. Cụ thể như sau:

+ *Giao cho anh Hoàng Lưu B quản lý sử dụng các thửa đất và tài sản trên đất sau:*

- 01 căn nhà tạm tại thửa 192, tờ bản đồ 64 diện tích 147m².

- Thửa số 191, tờ bản đồ số 64, diện tích 177m².

- Thửa số 125, tờ bản đồ số 63, diện tích 351m².

- Thửa số 22, tờ bản đồ số 47, diện tích 19.764.4m².

- Thửa số 02, tờ bản đồ số 63, diện tích 2.243.4m².

- Thửa số 75, tờ bản đồ số 48, diện tích 3.060m².

- Thửa số 92, tờ bản đồ số 48, diện tích 2.303.4m².

- Thửa số 102, tờ bản đồ số 48, diện tích 2.217.6m².

- Thửa số 02, tờ bản đồ số 48, diện tích 384.8m².

- Thửa số 06, tờ bản đồ số 47, diện tích 3406m².

- Thửa số 08, tờ bản đồ số 48, diện tích 134m².

- Thửa số 11, tờ bản đồ số 48, diện tích 108m².

- Thửa số 10, tờ bản đồ số 48, diện tích 118m².

+ *Giao cho bà Cao Thị C và cháu Hoàng Cao Ánh các thửa đất và tài sản trên đất sau:*

- 01 căn nhà tạm trên thửa số 192, tờ bản đồ số 64, diện tích 304m².

- Thửa số 191, tờ bản đồ số 64, diện tích 300m².

- Thửa số 06, tờ bản đồ số 47, diện tích 18.358.5m².

+ Giao cho bà Nguyễn Thị G số tiền 20.000.000đồng. Trong đó anh Hoàng Lưu B phải thanh toán cho bà G 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà C phải thanh toán cho bà G 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng)

3. Về lệ phí, chi phí tố tụng: Bà Cao Thị C và anh Hoàng Lưu B thỏa thuận số tiền chi phí tố tụng là 9.000.000 đồng, anh Hoàng lưu B tự nguyện chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và bà Cao Thị C tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Lưu B phải nộp 9.429. 000 đồng tiền án phí dân sự sung công quỹ nhà nước. Miễn phần án phí dân sự cho bà G và bà C vì thuộc diện người cao tuổi và hộ nghèo.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã Động Đạt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Đức Long